

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 07/5/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**-----
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân:- Bà Thái Thị Thủy Tiên

- Ông Lê Đức Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Võ Thị Một L, sinh năm: 1994

HKTT: Ấp 1, xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: 185 tổ 3, ấp CD 1, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* anh Trần Hùng C, sinh năm: 1991

Địa chỉ: 283 tổ 10, ấp 1, xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Võ Thị Một L trình bày: chị và anh Trần Hùng C tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã XT vào năm 2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 201 – quyển số 01-2012. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn tranh cãi, không hòa hợp và anh C thường xuyên đánh chị. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh C nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung Trần Gia B, sinh ngày 28/9/2018 và Trần Gia H, sinh ngày 30/5/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu: trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia B và giao cháu Gia H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Trần Hùng C trình bày: Anh thống nhất với chị L về việc kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do áp lực của hai bên gia đình và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì cả hai cũng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý; về con chung: Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung: không có.

* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có chậm xử lý đơn và thụ lý vụ án theo Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: cho chị L ly hôn anh C; giao cháu Gia B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Gia H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời chị L, anh C không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Võ Thị Một L có đơn yêu cầu ly hôn với anh Trần Hùng C và giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Võ Thị Một L yêu cầu ly hôn với anh Trần Hùng C nên chị L là nguyên đơn, còn anh C là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: anh Trần Hùng C và chị Võ Thị Một L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C và chị L.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh C và chị L kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị L cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã và anh C đánh đập vợ. Anh Cường cùng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do áp lực hai bên gia đình và kinh tế. Anh C cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay nhưng không gặp nhau để hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Xét thấy, thời gian anh chị ly thân đã lâu và vợ chồng cũng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn vợ chồng của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị L ly hôn anh C.

[5] Về con chung: chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia B và giao cháu Gia H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, anh C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét yêu cầu của chị L, anh C nhận thấy: cháu Gia B

hiện chưa đủ 36 tháng nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Gia B và phù hợp với Điều 92 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Đối với cháu Gia H: Anh C và chị L thống nhất giao cháu Gia H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Gia H cũng có nguyện vọng sống với anh C. Mặt khác, trong thời gian vợ chồng ly thân thì cháu H sống với anh C. Do đó, căn cứ Điều 92 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 giao cháu Gia H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh C và chị L không yêu cầu và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời chị L, anh C không cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 90, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Một L.

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị Võ Thị Một L ly hôn anh Trần Hùng C.

- Về con chung:

+ Giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 28/9/2018 cho chị Võ Thị Một L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

+ Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 30/5/2013 cho Trần Hùng C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành

Tạm thời chị L và anh C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị L, anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh C, chị L được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết

- Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002159 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM. Chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã XT;
- Đường sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung